TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 282/2023/HS-PT
Ngày: 20/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Trường

ông Lê Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 222/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Lý Văn Đ về tội *"Giết người"*. Do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HSST ngày 29-3-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo: Họ và tên: Lý Văn Đ; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1965, tại tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn F, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 3/10; nghề nghiệp: Làm nông; họ và tên cha: Lý Văn N (đã chết); họ tên mẹ: Hoàng Thị T (đã chết); bị cáo có vợ là: Vi Thị C, sinh năm 1967; có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2005, trú tại: Thôn F, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2022 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt.

**** Người bị hại:*** Anh Vi Văn P, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn F, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

**** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại:*** Ông Phùng Văn H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ; có mặt.

**** Người bào chữa cho bị cáo:*** Bà Nguyễn Thị X – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình sinh sống tại địa phương, giữa Lý Văn Đ *(sinh năm 1965)* và gia đình anh Vi Văn P *(sinh năm 1986, cùng trú tại* thôn F, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk*)* xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp với nhau về đất đai.

Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 06/9/2022, Lý Văn Đ nghi ngờ gia đình anh P sử dụng thuốc diệt cỏ phun gây hại cho bụi tre do Đậu trồng để phân định ranh giới đất giữa hai gia đình nên Đậu đi đến rẫy nơi anh P đang khai thác keo thuộc thôn F, xã K gặp anh P và chị Hoàng Thị H1 *(sinh năm 1986, vợ* P*)* để nói chuyện thì xảy ra cãi nhau, lúc này có Vi Văn C1 *(sinh năm 1993)*, Vi Thị X1 *(sinh năm 1998)*, Vi Văn T1 *(sinh năm 2001, cùng trú tại* thôn F, xã K*)* đang có mặt ở đây chứng kiến toàn bộ sự việc. Bực tức vì cho rằng vợ chồng P còn nhỏ mà hỗn láo nên Đ đi về nhà lấy 01 khẩu súng tự chế dài 61cm *(trong đó phần nòng và thân súng bằng kim loại dài 57,7cm, ốp thân và tay cầm bằng gỗ sơn màu đỏ*), 01 túi vải đựng 17 viên đạn của khẩu súng này mà Đ đã nhặt được trước đó và cất giấu cùng với 01 con dao nhọn dài 25,2cm, lưỡi dao bằng kim loại mang theo nhằm mục đích đánh nhau với anh P, trên đường Đ lấy ra 01 viên đạn và nạp đạn vào súng. Khi đi đến rẫy trồng keo của anh P (*khu vực giáp ranh với rẫy của* Đ) thì Đ đứng đối diện với anh P và tiếp tục xảy ra cãi nhau với vợ chồng anh P. Lúc này, Đ thấy anh P quay mặt về hướng khác nên Đ đưa súng lên ngang vai và nhắm thẳng nòng súng vào người anh P (*đang đứng cách Đậu khoảng 03 mét*) rồi bóp cò làm súng nổ, đạn trúng vào vùng tay trái của anh P. Ngay sau đó Đ bị mọi người có mặt khống chế tước hung khí và báo cho Công an xã K đến giải quyết. Sau khi bị bắn anh Vi Văn P được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đ1.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 810/TgT-TTPY ngày 09/9/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận thương tích của Vi Văn P: Vết thương không khâu mặt ngoài khuỷu tay trái, kích thước (0,5x0,5)cm còn dị vật khuỷu tay trái, gãy đầu dưới xương cánh tay trái (liên lồi cầu) chưa phẫu thuật. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tích gây nên hiện tại là 27%. Vật tác động: Vết thương không khâu mặt ngoài khuỷu tay trái là do hỏa khí để lại dị vật là vật tày, cứng, có dạng nửa bầu dục, tiết diện nhỏ.

Lỗ vào: Mặt ngoài khuỷu tay trái;

Lỗ ra: Vết thương chột;

Rãnh xuyên: Từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ trái qua phải;

Hướng bắn: Từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ trái qua phải;

Tầm bắn: Không phát hiện dấu vết tầm bắn gần.

Đề nghị giám định bổ sung khi bệnh nhân đã điều trị ổn định hay khi có phát sinh tình tiết mới.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 104/TgT-TTPY ngày 29/12/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ, kết luận đối với Vi Văn P: Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương để lại sẹo mặt ngoài khuỷu tay trái, gần hình tròn, bờ đều, kích thước (1x0,8)cm; sẹo mổ sau khuỷu tay trái, kích thước (12x0,5)cm; sẹo mổ mặt trong khuỷu tay trái, kích thước (1x0,2)cm; gãy đầu dưới xương cánh tay trái (liên lồi cầu) đã kết hợp xương, can liền xấu, vận động khớp khuỷu tay trái bị hạn chế. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 33%.

Tại bản kết luận giám định số 1343/KL-KTHS ngày 30/9/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Khẩu súng thu giữ gửi giám định là súng tự chế tạo, không theo tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế của nhà sản xuất hợp pháp; có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe con người, phá hủy kết cấu vật chất tương tự như súng trường, hiện tại sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng. Vỏ đạn bên trong đuôi nòng khẩu súng là vỏ của loại đạn cỡ (5,6 x 15,6)mm và do khẩu súng trên bắn ra. 16 viên kim loại là đạn cỡ (5,6 x 15,6)mm, hiện tại còn sử dụng được. Đạn cỡ (5,6 x 15,6)mm dùng làm đạn được cho khẩu súng trên và thuộc vũ khí thể thao. H2 lại đối tượng giám định 01 khẩu súng, 01 vỏ đạn và 10 viên đạn gửi giám định cho Cơ quan trưng cầu giám định (*sử dụng bắn thực nghiệm và lưu mẫu 06 trong tổng số 16 viên đạn gửi giám định*).

Tại bản kết luận giám định số 1409/KL-KTHS ngày 05/10/2022 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Vật bằng kim loại gửi giám định là đầu đạn của loại đạn cỡ (5,6x15,6)mm và do khẩu súng gửi giám định bắn ra. Đạn cỡ (5,6x15,6)mm thuộc vũ khí thể thao và dùng làm đạn được cho các loại súng như: TOZ8, CM2 (thuộc vũ khí thể thao)…và các loại súng tự chế (thuộc vũ khí quân dụng).

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường:**

Hiện trường vụ án được xác định xảy ra tại rẫy keo của gia đình anh Vi Văn P thuộc thôn F, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Hiện trường đã bị xáo trộn do quá trình bắt quả tang, đưa nạn nhân đi cấp cứu. Quá trình khám nghiệm không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS-P2 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Lý Văn Đậu về tội "*Giết người*" theo điểm n khoản 1 Điều 123 và tội *"Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"* theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HSST ngày 29-3-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã quyết định:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự; Áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lý Văn Đ, phạm tội "*Giết người"* và tội *"Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"*.

Xử phạt:

Bị cáo Lý Văn Đ **15 (mười lăm) năm tù**, về tội *"Giết người"* và **03 (ba) năm tù**, về tội *"Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"*.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **18 (mười tám) năm tù.**

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 5/4/2023,bị cáo Lý Văn Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 11/4/2923, Bị hại Vi Văn P kháng cáo tăng bồi thường dân sự, cho rằng Toà án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng tiền mất thu nhập thực tế 200.00 đồng/ngày là quá thấp; tiền tổn thất tinh thần Toà án cấp sơ thẩm áp dụng bằng 20 tháng lương cơ sở là quá thấp.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Riêng phần dân sự mà bị cáo và bị hại thoả thuận tại phiên toà phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt, giữ nguyên các quyết định khác. Riêng việc thoả thuận 17.504.152 đồng (11.104.152+6.400.000) giữ bị cáo và bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận, không chấp nhận khoản yêu cầu 14.900.000 đồng về tổn thất tinh thần tăng thêm sau này của bị hại.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận khoản bồi thường 14.900.000 đồng tổn thất tinh thần trong giai đoạn điều trị sau này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và quan điểm của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Lý Văn Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại Vi Văn P giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm tăng mức bồi thường.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lý Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y và phù hợp với kết luận điều tra, nội dung cáo trạng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai nên Lý Văn Đ đã sử dụng 01 khẩu súng tự chế (*thuộc vũ khí quân dụng*) lên đạn và

nhắm thẳng vào người anh Vi Văn P bóp cò làm súng nổ trúng vào tay trái của anh Vi Văn P thì bị người dân khống chế báo Công an xã K đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật. Hậu quả anh Vi Văn P bị tổn thương cơ thể là 33%.

Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xét xử Lý Văn Đậu về tội "*Giết người*" theo điểm n khoản 1 Điều 123 và tội "*Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"* theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự, là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của anh Vi Văn P trái pháp luật. Xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác nên bị cáo đã dùng 01 khẩu súng tự chế lên đạn và nhắm thẳng vào người anh Vi Văn P bóp cò làm súng nổ trúng vào tay trái của anh Vi Văn P, hậu quả anh Vi Văn P bị tổn thương cơ thể là 33%. Bị cáo còn có hành vi tàng trữ và sử dụng vũ khi quân dụng tại nhà riêng để sử dụng mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền, mặc dù nhận thức được vũ khí quân dụng được nhà nước quản lý và trang bị cho các đối tượng theo quy định pháp luật. Theo kết luận giám định về súng "hiện tại sử dụng bắn được và thuộc vũ khí quân dụng"; về đạn " và dùng làm đạn dược cho các loại súng như TOZ8, CM2 (thuộc vũ khí thể thao) và các loại súng tự chế (thuộc vũ khí quân dụng)

Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên khả năng nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị cáo còn có thời gian phục vụ quân đội từ năm 1987 – 1990. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, đối với tội "Giết người" bị cáo phạm tội chưa đạt nên được áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự. Từ đó xử phạt bị cáo 15 năm tù về tội "Giết người" và 3 năm tù về tội " Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng" là tương xứng với tính chất hành vi, hậu quả vụ án và đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như xem xét đến nhân thân bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị hại về yêu cầu tăng mức bồi thường.

Theo Đơn yêu cầu ngày 29/12/2022, người bị hại anh Vi Văn P yêu cầu bị cáo Lý Văn Đ phải bồi thường thiệt hại cho tôi với tổng số tiền là 120.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Vi Văn P làm đơn yêu cầu thay đổi mức bồi thường, buộc ông Lý Văn Đ phải bồi thường thiệt hại cho anh Vi Văn P tổng số tiền 171.140.421, gồm:

- Tiền thuê xe chiều đi và chiều về đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Đ1: 1.800.000 đồng (chi phí thực tế hợp lý, không có hóa đơn);

- Tiền xe dịch vụ các lần tái khám: 12 lần (lượt đi, lượt về) X 200.000 đ/lần = 2.400.000 đồng;

- Chi phí điều trị tại Trung tâm Y Tế huyện M bao gồm tiền thuốc, xét nghiệm: 309.000 đồng (có hóa đơn);

- Chi phí điều trị tại Bệnh viện Đ1 bao gồm tiền viện phí, tiền khám, tái khám, điều trị, tiền thuốc và các dịch vụ y tế khác: 293.142.000 đồng (có hóa đơn);

- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe trong quá trình khám bệnh, điều trị nội trú tại Bệnh viện từ ngày 06/9/2022 đến ngày 26/3/2023: 140.000đ X 200 ngày = 28.000.000 đồng;

- Chi phi phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút đối với tay trái: 20.000.000 đồng;

- Tiền thu nhập thực tế bị mất trong thời gian điều trị và phục hồi vết thương từ ngày 06/9/2022 đến ngày 25/3/2023: 300.000đ X 200 ngày = 60.000.000 đồng;

- Chi phí hợp lý và tiền thu nhập thực tế bị mất của 01 người chăm sóc từ ngày 06/9/2022 đến ngày 06/10/2022: 30 ngày; gồm:

Tiền xe đi lại, tiền thuê nhà trọ: 2.000.000 đồng; T2 thu nhập thực tế bị mất: 300.000 đồng X 30 ngày = 9.000.000 đồng.

- Tiền tổn thất về tinh thần: 30 tháng lương cơ sở: 30 tháng X 1.490.000đ = 44.700.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận các khoản bồi thường có hóa đơn chứng từ và các khoản bồi thường hợp lý sau:

- Chi phí điều trị tại bệnh viện có hóa đơn chứng từ, tổng cộng: 3.240.421 đồng;

- Chi phí thuê xe dịch vụ từ huyện M đến Bệnh viện Đ1: 1.500.000 đồng;

- Tiền mất thu nhập thực tế trong thời gian điều trị (58 ngày tại Bệnh viện Đ1): 200.000 đồng/ngày x 58 = 11.600.000 đồng;

- Tiền điều trị sau ra viện 30 ngày = 6.000.000đ;

- Tiền bồi dưỡng sau ra viện: 10.000.000đ;

- Tiền tổn thất tinh thần là: 1.490.000 x 20 = 29.800.000 đồng;

- Tiền người chăm nuôi 20 ngày: 4.000.000 đồng;

- Tiền đi lại, tái khám: 2.000.000 đồng.

Tổng cộng: **68.140.421 đồng.**

Bị hại cho rằng Toà án tính tiền mất thu nhập 200.000 đồng / ngày là quá thấp và thờii gian điều trị 95 ngày chứ không phải 58 ngày. Hội đồng xét xử

phúc thẩm thấy rằng, cấp sơ thẩm tính thu nhập bình quân 200.000 đồng ngày là phù hợp với thực tế địa phương. Theo bản tóm tắt bệnh án điều trị nội trú của Bệnh viện Đ1 (BL256,257,258) thì tổng thời gian điều trị 58 ngày là đúng.

Từ chứng cứ, phân tích và nhận định trên, thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 68.140.421 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, giữa bị cáo và bị hại đã thoả thuận, bị cáo bồi thường thêm cho bị hại 17.504.152 đồng (trong đó 11.104.152 đồng tiền phát sinh thực tế về chi phí điều trị sau khi xét xử sơ thẩm và 6.400.000 đồng mất thu nhập). Xét thấy sự thoả thuận này tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Riêng đối với yêu cầu của bị hại về khoản 14.900.000 đồng, tổn thất tinh thần đối với thời gian điều trị sau khi xét xử sơ thẩm cho đến ngày 06 tháng 7 năm 2023, bị hại yêu cầu nhưng bị cáo không thoả thuận được. Xét thấy yêu cầu này của bị hại phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm và Toà án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên Toà án cấp phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét, do đó bị hại có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về án phí phúc thẩm hình sự và án phí phúc thẩm dân sự: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và bị cáo thoả thuận thêm phần bồi thường dân sự, về nguyên tắc bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm dân sự; tuy nhiên, bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, nên được miễn toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho bị cáo.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lý Văn Đ và kháng cáo của bị hại Vi Văn P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại về phần dân sự, sửa Bản án sơ thẩm về phần dân sự.

[1] Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123, khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự; Áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự;

Xử phạt:

Bị cáo Lý Văn Đ **15 (mười lăm) năm tù**, về tội *"Giết người"* và **03 (ba) năm tù**, về tội *"Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"*.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **18 (mười tám) năm tù.**

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền là **85.644.573 đồng (68.140.421 đồng +17.504.152 đồng)**.

[3] Về án phí phúc thẩm hình sự và án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lý Văn Đ được miễn tiền án phí hình sự phúc thẩm và dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Cường